

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ
ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 - 3 |
| BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 6 |
| BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 7 - 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 9 - 37 |



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN
194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Tân Phong

Chủ tịch

Ông Nguyễn Xuân Hòa

Thành viên (miễn nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2014)

Ông Huỳnh Đức Trường

Thành viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2014)

Ông Hồ Quyết Thắng

Thành viên (miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2014)

Ông Mai Quang Vinh

Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2014)

Ông Nguyễn Ngọc Liên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Hòa

Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2014)

Ông Huỳnh Đức Trường

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2014)

Ông Trương Mạnh Thắng

Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2014)

Ông Đỗ Hoàng Phúc

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Trung

Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2014)

Ông Trịnh Hải

Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2014)

Ông Nguyễn Quý Nhân

Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số liệu kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Huỳnh Đức Trường
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, theo hợp đồng sáp nhập giữa Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Dầu Petec ("Petromat") và Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Dầu khí Nam Định ("PV Oil Nam Định") ngày 19 tháng 8 năm 2014, Petromat đã sáp nhập vào PV Oil Nam Định theo hình thức hoán đổi cổ phiếu và thời điểm sáp nhập là ngày 31 tháng 12 năm 2014. Theo đó, tỷ lệ quyền biếu quyết nắm giữ bằng với tỷ lệ sở hữu của Công ty trong PV Oil Nam Định sau khi sáp nhập là 16,25%. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty con Petromat được chuyển đổi thành khoản đầu tư dài hạn khác vào PV Oil Nam Định với giá gốc là 17.827.586.137 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá trị khoản đầu tư này tính theo tỷ lệ phân chia của Công ty trong giá trị tài sản thuần của PV Oil Nam Định là 11.860.385.823 đồng. Do đó, Công ty chi cần lập dự phòng cho khoản tồn thắt đầu tư vào PV Oil Nam Định với số tiền là 5.967.200.314 đồng. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang trích lập dự phòng cho toàn bộ giá trị khoản đầu tư với số tiền là 17.827.586.137 đồng. Nếu Công ty hoàn nhập khoản dự phòng này phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, lỗ trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm một khoản là 11.860.385.823 đồng, khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn và lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm một khoản tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu khác từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang loại hình công ty cổ phần với số tiền là 169.785.513.359 đồng. Khoản phải thu này phát sinh từ việc xác định phần vốn nhà nước tại ngày 18 tháng 5 năm 2011 nhưng chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cơ quan nhà nước có liên quan phê duyệt quyết toán. Do đó, chúng tôi chưa có đủ thông tin về giá trị sẽ được quyết toán và khoản chênh lệch (nếu có) so với giá trị ghi nhận trên khoản mục phải thu khác này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết điều chỉnh số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 31 tháng 5 năm 2013, Công ty thôi làm chức năng nhiệm vụ đầu mối kinh doanh xăng dầu theo Công văn số 3548/QĐ-BCT của Bộ Công thương. Vì vậy, Công ty ngừng trích và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu đối với mặt hàng xăng dầu mua vào sau khi Công ty thôi làm chức năng nhiệm vụ đầu mối kinh doanh xăng dầu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có số dư quỹ bình ổn xăng dầu với số âm là 144.949.855.230 đồng thể hiện khoản quỹ bình ổn sử dụng nhiều hơn số trích lũy kể từ những năm trước đến năm 2014 vẫn chưa được xử lý. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Lê Chí Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0049-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 16 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| A. TÀI SẢN NGÀN HẠN (100=110+130+140+150) | 100 | | 805.356.691.227 | 1.210.378.569.073 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 28.257.314.534 | 142.062.508.533 |
| 1. Tiền | 111 | | 25.957.314.534 | 137.962.508.533 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 2.300.000.000 | 4.100.000.000 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 507.068.933.526 | 597.174.820.166 |
| 1. Phái thu khách hàng | 131 | 6 | 935.460.705.551 | 977.212.774.541 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | 7 | 17.789.571.631 | 38.265.092.345 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 8 | 199.474.856.260 | 196.817.194.152 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | 6 | (645.656.199.916) | (615.120.240.872) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 195.280.674.936 | 390.658.842.908 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 213.081.843.257 | 390.658.842.908 |
| Trong đó: hàng dự trữ quốc gia | | | - | 159.517.510.400 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (17.801.168.321) | - |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 74.749.768.231 | 80.482.397.466 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.020.489.714 | 1.389.174.891 |
| 2. Thuế giá trị tăng được khấu trừ | 152 | | 71.067.343.103 | 76.014.210.738 |
| 3. Các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 1.572.200.352 | 1.933.724.487 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 1.089.735.062 | 1.145.287.350 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+270) | 200 | | 1.273.299.384.656 | 1.336.488.193.985 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | 1.622.488.123 |
| 1. Phái thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | 3.386.552.776 |
| 2. Phái thu dài hạn khác | 218 | | - | 10.360.434.208 |
| 3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | (12.124.498.861) |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 870.525.616.186 | 880.842.948.268 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 472.811.768.463 | 479.353.061.333 |
| - Nguyên giá | 222 | | 665.914.568.565 | 665.665.683.227 |
| - Giá trị hao mòn luỹ kế | 223 | | (193.102.800.102) | (186.312.621.894) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 306.803.298.615 | 283.018.510.830 |
| - Nguyên giá | 228 | | 310.939.727.048 | 285.587.511.448 |
| - Giá trị hao mòn luỹ kế | 229 | | (4.136.428.433) | (2.569.000.618) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 12 | 90.910.549.108 | 118.471.376.105 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | 4.491.115.529 |
| - Nguyên giá | 241 | | - | 8.756.779.923 |
| - Giá trị hao mòn luỹ kế | 242 | | - | (4.265.664.394) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 150.168.804.113 | 176.899.746.694 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết | 252 | 14 | 108.203.005.803 | 79.369.495.358 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 15 | 68.781.904.281 | 134.672.948.176 |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | 15 | (26.816.105.971) | (37.142.696.840) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 248.252.364.454 | 260.466.320.550 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 16 | 248.252.364.454 | 260.466.320.550 |
| VI. Lợi thế thương mại | 270 | 17 | 4.352.599.903 | 12.165.574.821 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200) | 280 | | 2.078.656.075.883 | 2.546.866.763.058 |

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|---|--------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 1.135.759.296.036 | 1.438.352.662.855 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.280.709.151.266 | 1.422.673.007.685 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 18 | 19.885.538.000 | 100.112.008.500 |
| 2. Phai trả người bán | 312 | 19 | 1.217.260.823.108 | 1.272.662.865.676 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 7.628.373.763 | 3.496.845.573 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 20 | 17.883.508.683 | 21.147.720.119 |
| 5. Phai trả người lao động | 315 | | 7.525.743.977 | 15.385.323.521 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | - | 126.333.388 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 21 | 9.680.868.661 | 7.062.629.213 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 844.295.074 | 2.679.281.695 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | (144.949.855.230) | 15.679.655.170 |
| 1. Phai trả dài hạn khác | 333 | | - | 159.517.510.400 |
| 2. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | 1.112.000.000 |
| 3. Quỹ bình ổn xăng dầu | 340 | 22 | (144.949.855.230) | (144.949.855.230) |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410) | 400 | | 933.216.826.502 | 1.074.931.672.899 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 23 | 933.216.826.502 | 1.074.931.672.899 |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | | 2.488.774.701.456 | 2.488.774.701.456 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 13.688.826.587 | 15.025.469.716 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 1.805.648.298 | 3.513.793.799 |
| 4. Lỗ lũy kế | 420 | | (1.571.052.349.839) | (1.432.382.292.072) |
| C. LỢI ÍCH CÓ ĐỘNG THIẾU SỐ | 439 | 25 | 9.679.953.345 | 33.582.427.304 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439) | 440 | | 2.078.656.075.883 | 2.546.866.763.058 |
| CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN | | | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
| 1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của khách hàng (VND) | | | 14.873.046.531 | 35.203.418.842 |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của Tổng Công ty Đầu Việt Nam và các đơn vị thành viên (VND) | | | 533.310.763.252 | 932.997.945.214 |
| 3. Nợ khó đòi đã xử lý (VND) | | | - | 1.608.973.500 |
| 4. Ngoại tệ các loại | | | | |
| Đô la Mỹ (USD) | | | 49.286 | 123.596 |
| Euro (EUR) | | | 604 | 626 |
| Đô la Singapore (SGD) | | | 689 | 710 |


Mai Ngoc Rin
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Nam
Kế toán trưởng




Huỳnh Đức Trường
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 3 năm 2015

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2014 | 2013 |
|---|-------|-------------|-------------------|--------------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 26 | 5.697.459.324.808 | 11.592.225.396.687 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 26 | 167.086.706.177 | 342.387.154.306 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 26 | 5.530.372.618.631 | 11.249.838.242.381 |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 27 | 5.454.886.223.056 | 10.929.885.859.382 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 75.486.395.575 | 319.952.382.999 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 29 | 19.766.888.409 | 70.162.659.236 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 30 | 7.447.888.894 | 140.342.647.380 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 3.045.071.522 | 114.442.982.309 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 169.368.029.362 | 241.597.243.236 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 95.141.943.190 | 416.268.930.424 |
| 10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | (176.704.577.462) | (408.093.778.805) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 31 | 41.858.290.814 | 78.872.855.730 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 31 | 22.534.629.023 | 119.518.517.456 |
| 13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32) | 40 | 31 | 19.323.661.791 | (40.645.661.726) |
| 14. Lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết | 45 | | 21.583.401.989 | (20.387.634.922) |
| 15. Lỗ kế toán trước thuế (50=30+40+45) | 50 | | (135.797.513.682) | (469.127.075.453) |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 32 | 1.967.664.298 | 5.844.154.365 |
| 17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51) | 60 | | (137.765.177.980) | (474.971.229.818) |
| 17.1 Lỗ sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | 25 | (9.943.514.989) | (13.221.880.490) |
| 17.2 Lỗ sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 62 | | (127.821.662.991) | (461.749.349.328) |
| 18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 33 | (514) | (1.855) |


Mai Ngoc Rin
Người lập biểu


Nguyễn Ngọc Nam
Kế toán trưởng




Huỳnh Đức Trường
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 3 năm 2015

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2014 | 2013 |
|---|-----------|--------------------------|----------------------------|
| I. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lỗ trước thuế | 01 | (135.797.513.682) | (469.127.075.453) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 40.251.848.045 | 41.030.972.203 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 20.209.368.175 | 300.795.361.599 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (22.289.280) | (3.801.438) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (57.252.173.804) | (59.681.740.908) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 3.045.071.522 | 114.442.982.309 |
| 3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (129.565.689.024) | (72.543.301.688) |
| Thay đổi các khoản phải thu | 09 | 19.276.930.957 | 1.308.695.972.054 |
| Thay đổi hàng tồn kho | 10 | 35.860.657.572 | 1.580.306.979.964 |
| Thay đổi các khoản phải trả | 11 | (58.268.205.115) | 117.121.560.825 |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | 20.421.939.360 | 40.759.561.176 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (3.045.071.522) | (121.454.194.754) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (2.975.417.975) | (6.579.432.886) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | - | 3.801.403.919 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (1.817.250.261) | (1.786.147.353) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | <i>20</i> | <i>(120.112.106.008)</i> | <i>2.848.322.401.257</i> |
| II. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 21 | (21.167.188.102) | (21.897.868.573) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn | 22 | 15.554.722.940 | 72.402.488.759 |
| 3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | (4.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 68.744.970.032 | 88.607.936.000 |
| 5. Tiền thu lãi tiền gửi, cò tức và lợi nhuận được chia | 27 | 10.010.014.282 | 15.464.642.980 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | <i>30</i> | <i>73.142.519.152</i> | <i>150.577.199.166</i> |
| III. LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền vay ngắn hạn nhận được | 33 | 1.448.892.971.090 | 5.100.226.699.607 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (1.515.727.540.665) | (8.254.714.933.107) |
| 3. Cố tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | (195.662.926) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | <i>(66.834.569.575)</i> | <i>(3.154.683.896.426)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | (113.804.156.431) | (155.784.296.003) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 142.062.508.533 | 297.846.222.741 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (1.037.568) | 581.795 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | 70 | 28.257.314.534 | 142.062.508.533 |

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 6.917.312.325 đồng (năm 2013: 10.402.270.073 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Mai Ngọc Rinh
Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Nam
Kế toán trưởng



Huỳnh Đức Trường
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 3 năm 2015



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty mẹ") được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec. Công ty mẹ và các công ty con sau đây được gọi tắt là Công ty.

Theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 3076/BB-DKVN được phê duyệt bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định Giá Miền Nam và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thì giá trị của Công ty mẹ được xác định cho mục đích cổ phần hóa là 2.606.204.995.730 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010. Theo Quyết định số 3080/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec thành công ty cổ phần với vốn điều lệ là 2.600.000.000.000 đồng. Công ty mẹ được cổ phần hóa vào ngày 18 tháng 5 năm 2011 và trở thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0300649476 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng ngày, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ quyết định thời điểm chính thức hoạt động của công ty cổ phần và cũng là thời điểm chuyển giao tất cả quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec trước đây sang công ty cổ phần là từ ngày 18 tháng 5 năm 2011.

Ngày 09 tháng 4 năm 2013, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN") và Tổng Công ty Dầu Việt Nam ("PV Oil") ký kết hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – Công ty Cổ phần ("Petec"). Theo đó, PVN đồng ý chuyển nhượng 246.425.100 cổ phần cùng với toàn bộ quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của PVN tương ứng với tỷ lệ cổ phần chuyển nhượng trong Petec cho PV Oil.

Ngày 26 tháng 4 năm 2013, Công ty mẹ đã cấp Giấy chứng nhận cổ đông cho PV Oil theo Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn tại Petec từ PVN sang PV Oil.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ có các công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Cà phê Petec (sau đây gọi tắt là "Cà phê Petec")
- Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (sau đây gọi tắt là "Petec Land")
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "An Pha Vĩnh Long")
- Như trình bày tại Thuyết minh số 14, tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại và Công nghiệp Petec ("Cisco") - Công ty con được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa ("PV Oil Thanh Hóa"), khoản đầu tư vào công ty con này được phân loại sang khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 15, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Dầu Petec ("Petromat") được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Dầu khí Nam Định ("PV Oil Nam Định"), khoản đầu tư vào công ty con này được phân loại sang khoản đầu tư dài hạn khác.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 526 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 603 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là xuất nhập khẩu, tổ chức kinh bán buôn xăng dầu; chi tiết xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ; xuất nhập khẩu phân bón; cung cấp dịch vụ hàng hải bao gồm đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết bán lẻ xăng dầu); đại lý tiêu thụ hàng hóa, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy, hải sản; kinh doanh vận tải xăng dầu đường bộ; kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ngày 31 tháng 5 năm 2013, Công ty mẹ thôi làm chức năng nhiệm vụ đầu mối kinh doanh xăng dầu theo Công văn số 3548/QĐ-BCT của Bộ Công Thương. Theo đó, Công ty không còn là thương nhân đầu mối nhập khẩu xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con".

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của Công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc Công ty góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc Công ty góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/(lỗ) do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn và ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng hoá và chi phí thu mua để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ giá trị số sách của hàng tồn kho cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm

| | |
|--------------------------|------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 5-15 |
| Máy móc, thiết bị | 6-15 |
| Phương tiện vận tải | 3-15 |
| Thiết bị văn phòng | 3-6 |
| Tài sản cố định khác | 25 |

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nguyên giá và hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế trong khi quyền sử dụng đất không thời hạn thì không khấu hao.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng của phần mềm quản lý là 5 năm.

Đối với tài sản cố định vô hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phiếu và đầu tư góp vốn với tỷ lệ quyền biếu quyết ít hơn 20% quyền biếu quyết của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vốn vào tổ chức kinh tế khác và các khoản đầu tư dài hạn khác nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chủ yếu giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là thời điểm có quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp (bao gồm giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất Công ty đang thuê và giá trị thương hiệu). Trong năm 2014, Công ty tạm ngưng phân bổ giá trị lợi thế địa lý này như trình bày tại Ghi chú số 16. Công ty ghi nhận chi phí trong năm 2014 theo số tiền thuê đất phải nộp cho năm 2014 theo thông báo của cục thuế địa phương.

Chi phí trả trước dài hạn khác là tiền thuê đất dài hạn đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê; chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, sửa chữa tài sản, chi phí logo bảng hiệu và công cụ dụng cụ khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ 2 đến 5 năm.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở đòn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Quỹ Bình ổn giá (BOG) xăng dầu được Công ty trích và sử dụng căn cứ vào các văn bản quy định của Bộ Tài chính cho lượng xăng dầu thực tế tiêu thụ, cụ thể như sau :

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 234 /2009/TT-BTC “Hướng dẫn cơ chế hình thành, quản lý và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu” và

- Thông báo số 15647/BTC-QLG ngày 11 tháng 11 năm 2012;
- Thông báo số 807/BTC-QLG ngày 15 tháng 01 năm 2013;
- Thông báo số 1441/BTC-QLG ngày 28 tháng 01 năm 2013;
- Thông báo số 2152/BTC-QLG ngày 08 tháng 02 năm 2013;
- Thông báo số 2623/BTC-QLG ngày 26 tháng 02 năm 2013;
- Thông báo số 3804/BTC-QLG ngày 28 tháng 3 năm 2013;
- Thông báo số 6893/BTC-QLG ngày 31 tháng 5 năm 2013;
- Thông báo số 7744/BTC-QLG ngày 14 tháng 6 năm 2013;
- Thông báo số 8363/BTC-QLG ngày 28 tháng 6 năm 2013;
- Thông báo số 9724/BTC-QLG ngày 17 tháng 7 năm 2013;
- Thông báo số 11239/BTC-QLG ngày 22 tháng 8 năm 2013;
- Thông báo số 13441/BTC-QLG ngày 07 tháng 10 năm 2013;
- Thông báo số 14239/BTC-QLG ngày 22 tháng 10 năm 2013;
- Thông báo số 16363/BTC-QLG ngày 26 tháng 11 năm 2013 về việc điều hành giá và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu.

Trong đó, số trích được ghi nhận tăng giá vốn hàng bán và số sử dụng được ghi giảm giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trinh bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|----------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 1.136.862.284 | 2.421.029.453 |
| Tiền gửi ngân hàng | 24.820.452.250 | 135.541.479.080 |
| Các khoản tương đương tiền | <u>2.300.000.000</u> | <u>4.100.000.000</u> |
| | <u>28.257.314.534</u> | <u>142.062.508.533</u> |

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất trung bình 5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6%/năm).

Ngày 07 tháng 02 năm 2013, Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (“Vietcombank Chi nhánh Hà Nội”) cùng thỏa thuận về việc phong tỏa và ghi nợ tự động tài khoản số 0021000273815 của Công ty mở tại Vietcombank Chi nhánh Hà Nội. Số dư của tài khoản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 653.800.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2014 <u>VND</u> | 31/12/2013 <u>VND</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau | 97.567.431.776 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Quốc tế Việt Nam | 78.234.498.311 | 78.334.498.311 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Cẩm Giàng | 20.010.740.366 | 20.010.740.366 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Lâm | 77.865.356.829 | 77.865.356.829 |
| Công ty Cổ phần TM Dầu khí Vũ Anh | 58.257.741.001 | 58.952.121.001 |
| Công ty Cổ phần ĐT và PT Xăng dầu Tiên Phong | 124.251.939.885 | 124.251.939.885 |
| Công ty Cổ phần Dầu khí và Chất đốt Miền Bắc | 124.164.578.894 | 124.164.578.894 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Quảng Đông | 87.946.610.123 | 87.946.610.123 |
| Khách hàng khác | <u>267.161.808.366</u> | <u>405.686.929.132</u> |
| | 935.460.705.551 | 977.212.774.541 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | <u>(645.656.199.916)</u> | <u>(615.120.240.872)</u> |
| | <u>289.804.505.635</u> | <u>362.092.533.669</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng nợ phải thu quá hạn là 763.198.465.038 đồng, trong đó tổng nợ quá hạn mà Công ty đã khởi kiện là 666.618.801.968 đồng. Do đó, để đảm bảo rủi ro về mặt tài chính có thể xảy ra liên quan đến các khoản nợ quá hạn, Công ty đã căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 và ước tính về khả năng thu hồi của các khoản nợ này để trích lập dự phòng công nợ sau khi trừ tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản dự phòng được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất đủ để ghi giảm giá trị của các tài sản này xuống giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2014 <u>VND</u> | 31/12/2013 <u>VND</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quang Anh | 3.099.958.629 | - |
| Công ty Cổ phần Song Phát | 8.026.647.000 | 7.725.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Quốc tế Việt Nam | - | 6.391.800.000 |
| Nhà cung cấp khác | <u>6.662.966.002</u> | <u>24.148.292.345</u> |
| | <u>17.789.571.631</u> | <u>38.265.092.345</u> |

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2014 <u>VND</u> | 31/12/2013 <u>VND</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*) | 172.650.526.381 | 172.650.526.381 |
| Đền bù giải tỏa kho Thốt Nốt (**) | 13.138.480.046 | 13.187.191.115 |
| Phải thu khác | <u>13.685.849.833</u> | <u>10.979.476.656</u> |
| | <u>199.474.856.260</u> | <u>196.817.194.152</u> |

(*) Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thể hiện:

- (1) Liên quan đến khoản lỗ lũy kế đến ngày 18 tháng 5 năm 2011 với số tiền 169.785.513.359 đồng khi Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH Một thành viên (MTV) sang Công ty Cổ phần. Khoản lỗ này vẫn chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết toán liên quan đến vốn đầu tư (với tư cách chủ sở hữu).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(2) Khoản lợi nhuận từ hoạt động của Xí nghiệp Xăng Dầu Cát Lái ("Xí nghiệp") đã chia cho Bộ Tư lệnh Hải quân với số tiền 2.367.013.022 đồng tương ứng với phần chi phí khấu hao tăng sau khi đánh giá lại tài sản tại Xí nghiệp thuộc đồng sở hữu của Công ty và Bộ Tư lệnh Hải quân khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

(3) Chi phí phát sinh liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp còn phải thu lại từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền 498.000.000 đồng.

(**) Phải thu đèn bù giải tỏa kho Thốt Nốt thể hiện khoản phải thu Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ về tiền bồi hoàn thu hồi đất tại Ngã Ba Lộ Tẻ theo quyết định thu hồi đất của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Cần Thơ để thành lập Khu Công Nghiệp Thốt Nốt.

9. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|---------------------------------------|-------------------------|------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 2.051.097.880 | 1.875.888.500 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.137.663.504 | 1.381.182.671 |
| Thành phẩm | - | 1.130.733.724 |
| Hàng hóa | 209.893.081.873 | 377.107.803.635 |
| Trong đó: hàng dự trữ quốc gia (*) | - | 159.517.510.400 |
| Hàng gửi bán | - | 9.152.059.960 |
| Khác | - | 11.174.418 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 213.081.843.257 | 390.658.842.908 |
| | (17.801.168.321) | - |
| | 195.280.674.936 | 390.658.842.908 |

(*) Hàng dự trữ Quốc gia: Ngày 01 tháng 6 năm 2014, Công ty đã bàn giao toàn bộ hàng dự trữ quốc gia cho PV Oil theo chỉ đạo của Bộ Công Thương tại công văn số 4517/BCT-KH ngày 26 tháng 5 năm 2014 về việc giao cho PV Oil làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo quản xăng dầu dự trữ quốc gia.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | Khác VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 547.205.925.582 | 31.888.640.367 | 55.399.413.888 | 3.725.296.421 | 27.446.406.969 | 665.665.683.227 |
| Mua trong năm | 13.009.079.000 | 1.125.688.378 | 84.176.359 | - | - | 14.218.943.737 |
| Dầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 48.144.153.815 | 2.962.344.826 | - | - | - | 51.106.498.641 |
| Thanh lý, nhượng bán khác | (1.237.024.292) | (131.566.238) | (584.000.000) | (45.454.540) | - | (1.998.045.070) |
| Chuyển sang chi phí trả trước | - | - | (41.501.818) | (18.782.663) | - | (60.284.481) |
| Điều chỉnh khác | (42.316.453.021) | (9.477.064.997) | (7.314.212.951) | (65.744.854) | (3.844.751.666) | (63.018.227.489) |
| Tại ngày 31/12/2014 | 564.805.681.084 | 26.368.042.336 | 47.543.875.478 | 3.595.314.364 | 23.601.655.303 | 665.914.568.565 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LÚC KẾ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 128.917.570.450 | 19.438.931.940 | 35.264.206.748 | 2.298.868.599 | 393.044.157 | 186.312.621.894 |
| Khäu hao trong năm | 31.042.224.152 | 2.548.624.173 | 3.920.464.713 | 623.193.978 | 17.736.360 | 38.152.243.376 |
| Thanh lý | (968.889.007) | (129.161.217) | (584.000.000) | (29.545.456) | - | (1.711.595.680) |
| Chuyển sang chi phí trả trước | - | - | (15.631.922) | (18.329.390) | - | (33.961.312) |
| Điều chỉnh khác | (18.471.244.632) | (5.243.372.726) | (5.846.541.359) | (55.349.459) | - | (29.616.508.176) |
| Tại ngày 31/12/2014 | 140.519.660.963 | 16.615.022.170 | 32.738.498.180 | 2.818.838.272 | 410.780.517 | 193.102.800.102 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2014 | <u>424.286.020.121</u> | <u>9.753.020.166</u> | <u>14.805.377.298</u> | <u>776.476.092</u> | <u>23.190.874.786</u> | <u>472.811.768.463</u> |
| Tại ngày 01/01/2014 | <u>418.288.355.132</u> | <u>12.449.708.427</u> | <u>20.135.207.140</u> | <u>1.426.427.822</u> | <u>27.053.362.812</u> | <u>479.353.061.333</u> |

Khäu hao trong năm được ghi nhận:

| | | |
|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 2014 VND | 38.134.507.016 | 38.327.171.975 |
| | 17.736.360 | 24.845.472 |
| | <u>38.152.243.376</u> | <u>38.352.017.447</u> |

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 37.821.098.396 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 27.718.015.444 đồng).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất <u>VND</u> | Phần mềm máy tính <u>VND</u> | Tổng <u>VND</u> |
|-------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 281.965.234.920 | 3.622.276.528 | 285.587.511.448 |
| Tăng trong năm | 39.529.875.000 | - | 39.529.875.000 |
| Thanh lý | (12.056.481.000) | - | (12.056.481.000) |
| Điều chỉnh khác | (2.053.178.400) | (68.000.000) | (2.121.178.400) |
| Tại ngày 31/12/2014 | <u>307.385.450.520</u> | <u>3.554.276.528</u> | <u>310.939.727.048</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 1.897.200.965 | 671.799.653 | 2.569.000.618 |
| Khấu hao trong năm | 1.057.671.949 | 701.271.971 | 1.758.943.920 |
| Thanh lý | (45.255.604) | - | (45.255.604) |
| Điều chỉnh khác | (78.260.501) | (68.000.000) | (146.260.501) |
| Tại ngày 31/12/2014 | <u>2.831.356.809</u> | <u>1.305.071.624</u> | <u>4.136.428.433</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 31/12/2014 | <u>304.554.093.711</u> | <u>2.249.204.904</u> | <u>306.803.298.615</u> |
| Tại ngày 31/12/2013 | <u>280.068.033.955</u> | <u>2.950.476.875</u> | <u>283.018.510.830</u> |

Trong năm, Công ty đã thanh lý giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại Long An theo hợp đồng mua bán số 090.1/HĐMB/SAVC ngày 04 tháng 7 năm 2014 giữa Công ty, tổ chức bán đấu giá tài sản – Công ty TNHH Dịch vụ Đầu giá và định giá Miền Nam, và đơn vị mua – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Long An với giá trị là 15.343.020.000 (chưa bao gồm thuế giá trị tăng)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DẠNG

| | 31/12/2014 <u>VND</u> | 31/12/2013 <u>VND</u> |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Công trình xây dựng cơ bản dở dang | 57.340.964.291 | 98.002.354.428 |
| Trong đó: | | |
| <i>Kho cảng xăng dầu Cái Mép - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (giai đoạn 2)</i> | <i>56.164.171.321</i> | <i>56.384.803.077</i> |
| <i>Kho Phú Định</i> | <i>-</i> | <i>39.593.485.655</i> |
| <i>Khu đất Đầm Bà Tài - Thành phố Hải Phòng</i> | <i>820.562.061</i> | <i>820.562.061</i> |
| <i>Khác</i> | <i>356.230.909</i> | <i>1.203.503.635</i> |
| Mua sắm tài sản cố định | 32.954.222.817 | 18.708.834.269 |
| Trong đó: mua cửa hàng xăng dầu | 32.954.222.817 | 18.708.834.269 |
| Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định | 284.308.364 | 530.983.386 |
| Khác | 331.053.636 | 1.229.204.022 |
| | <u>90.910.549.108</u> | <u>118.471.376.105</u> |

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Vốn điều lệ của các công ty con, tỷ lệ sở hữu và tình hình góp vốn vào các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

| | Vốn điều lệ đã đăng ký | | Vốn đã góp | | Tỷ lệ sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết % |
|--|------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-----------------|--------------------------|
| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND | 12/31/2014 VND | 31/12/2013 VND | | |
| | Công ty Cổ phần Cà phê Petec | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 | 24.256.787.384 | 24.256.787.384 | 58,75 |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 | 40.000.000.000 | 40.000.000.000 | 100,00 | 100,00 |
| Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (*) | 38.300.000.000 | 38.300.000.000 | 13.191.180.883 | 13.191.180.883 | 30,71 | 33,94 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghiệp Petec (xem thuyết minh 14) | | 26.500.000.000 | | 17.507.510.128 | 61,91 | 61,91 |
| Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Dầu Petec (xem thuyết minh 15) | | 25.500.000.000 | | 17.827.586.137 | 65,00 | 65,00 |
| | | | | 77.447.968.267 | 112.783.064.532 | |

(*) Theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu, Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu thông qua việc có đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

| Tên công ty con | Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động | Hoạt động chính |
|---|---|-------------------------------------|
| - Công ty Cổ phần Cà phê Petec | Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh doanh xăng dầu, cà phê |
| - Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Pha Vĩnh Long | Tỉnh Vĩnh Long | Kinh doanh kho |
| - Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu | Thành phố Hồ Chí Minh | Kinh doanh bất động sản và xăng dầu |

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|--|------------------------|-----------------------|
| Giá trị khoản đầu tư gốc | 118.803.703.566 | 101.296.193.438 |
| Phản kết quả thuần của các công ty liên kết: | | |
| Các năm trước | (32.184.099.752) | (1.539.063.158) |
| Trong năm | 21.583.401.989 | (20.387.634.922) |
| | 108.203.005.803 | 79.369.495.358 |

Phản kết quả thuần trong năm bao gồm phần sở hữu của Công ty mẹ trong lợi nhuận của các công ty liên kết.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

| Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ | Hoạt động chính |
|--|----------------------------|-------------------|--------------------------------|---|
| Công ty Cổ phần PETEC Bình Định | Tỉnh Bình Định | 31,54 | 31,54 | Kinh doanh xăng dầu, xi măng |
| Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu | Tỉnh Bạc Liêu | 44,72 | 44,72 | Kinh doanh xăng dầu, bách hóa |
| Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận | Tỉnh Bình Thuận | 27,00 | 27,00 | Kinh doanh xăng dầu, vật tư |
| Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Miền Nam | Thành phố Hồ Chí Minh | 20,00 | 20,00 | Kinh doanh vận tải, kho bãi |
| Công ty Cổ phần Kho vận Petec | Tỉnh Bình Dương | 32,98 | 39,21 | Kinh doanh vận chuyển và lưu kho tài liệu |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa (*) | Tỉnh Thanh Hóa | 33,25 | 33,25 | Kinh doanh xăng dầu |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(*) Theo hợp đồng sáp nhập giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghiệp Petec (“Cisco”) và Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa (“PV Oil Thanh Hóa”) ngày 26 tháng 8 năm 2014, Cisco đã sáp nhập vào PV Oil Thanh Hóa theo tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu phổ thông là 1:1,97 (1 cổ phiếu phổ thông của Cisco đổi lấy 1,97 cổ phiếu phổ thông của PV Oil Thanh Hóa) và thời điểm sáp nhập là ngày 30 tháng 9 năm 2014. Theo đó, giá trị đầu tư của Công ty trong PV Oil Thanh Hóa sau khi sáp nhập là 32.318.150.000 đồng và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ bằng với tỷ lệ sở hữu là 32,25%. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty con Cisco được chuyển đổi thành khoản đầu tư vào Công ty liên kết PV Oil Thanh Hóa.

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

| | 31/12/2014 <u>VND</u> | 31/12/2013 <u>VND</u> |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Đầu tư chứng khoán | 5.726.652.839 | 17.642.277.839 |
| + Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam | 990.042.839 | 990.042.839 |
| + Công ty Cổ phần Nghiên liệu Sài Gòn | 4.736.610.000 | 4.736.610.000 |
| + Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu | - | 11.915.625.000 |
| Đầu tư góp vốn | 63.055.251.442 | 117.030.670.337 |
| + Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng | - | 6.495.547.032 |
| + Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủ Đức | - | 40.873.660.000 |
| + Công ty Cổ phần Âu Lạc | 29.706.587.314 | 29.706.587.314 |
| + Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình | - | 1.431.000.000 |
| + Tổng Công ty Thương Mại Kỹ thuật và Đầu tư - | 5.232.969.000 | 5.232.969.000 |
| Công ty Cổ phần (**) | | |
| + Công ty Cổ phần Vận tải Hà Giang | 2.121.130.462 | 2.121.130.462 |
| + Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tin | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| + Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng & Chất | 1.166.978.529 | 1.166.978.529 |
| đất Đồng Nai | | |
| + Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định (*) | 17.827.586.137 | - |
| + Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau | - | 23.002.798.000 |
| | <u>68.781.904.281</u> | <u>134.672.948.176</u> |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | <u>(26.816.105.971)</u> | <u>(37.142.696.840)</u> |
| | <u>41.965.798.310</u> | <u>97.530.251.336</u> |

(*) Theo hợp đồng sáp nhập giữa Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Dầu Petec (“Petromat”) và Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định (“PV Oil Nam Định”) ngày 19 tháng 8 năm 2014, Petromat đã sáp nhập vào PV Oil Nam Định theo tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu phổ thông là 1,53:1 (1,53 cổ phiếu phổ thông của Petromat đổi lấy 1 cổ phiếu phổ thông của PV Oil Nam Định), và thời điểm sáp nhập là ngày 31 tháng 12 năm 2014. Theo đó, giá trị đầu tư của Petec trong PV Oil Nam Định sau khi sáp nhập là 10.833.330.000 đồng và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ bằng với tỷ lệ sở hữu là 16,25%. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty con Petromat được chuyển đổi thành khoản đầu tư dài hạn khác vào PV Oil Nam Định.

(**) Đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu (một công ty con) vào Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần (Công ty mẹ).

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 31/12/2014 <u>VND</u> | 31/12/2013 <u>VND</u> |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa (*) | 221.989.482.960 | 221.989.482.960 |
| Lợi thế kinh doanh khác | - | 2.456.152.075 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | <u>26.262.881.494</u> | <u>36.020.685.515</u> |
| | <u>248.252.364.454</u> | <u>260.466.320.550</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(*) Lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa thể hiện giá trị thương hiệu và giá trị lợi thế vị trí địa lý đối với đất thuê trả tiền hàng năm ghi nhận vào giá trị Công ty khi cổ phần hóa ngày 18 tháng 5 năm 2011. Nghị định 189/2013/NĐ-CP, ngày 20 tháng 11 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần quy định “Đối với các doanh nghiệp đã xác định giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê vào giá trị doanh nghiệp và hạch toán tăng phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được cấp có thẩm quyền công bố giá trị doanh nghiệp theo quy định trước ngày Nghị định số 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp của doanh nghiệp cổ phần hóa”. Nghị định 189 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và được hướng dẫn thực hiện tại Thông tư 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 9 năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 năm 2014. Tuy nhiên, Công ty chưa được các cơ quan thuế địa phương chấp nhận khấu trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp trong năm 2014 do phải chờ văn bản hướng dẫn. Do đó, Công ty đã nộp tiền thuê đất và ghi nhận chi phí tương ứng trong năm 2014 và tạm ngưng phân bổ chi phí trả trước dài hạn liên quan đến giá trị lợi thế vị trí địa lý phát sinh từ cổ phần hóa từ năm 2014. Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan thuế địa phương và các cơ quan có thẩm quyền để xem xét áp dụng quy định theo Nghị định 189 trong năm 2015.

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại
VND

NGUYÊN GIÁ

| | |
|---------------------|----------------------|
| Tại ngày 01/01/2014 | 18.257.854.532 |
| Thanh lý trong năm | (11.433.546.265) |
| Tại ngày 31/12/2014 | <u>6.824.308.267</u> |

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

| | |
|---------------------|----------------------|
| Tại ngày 01/01/2014 | 6.092.279.711 |
| Khäu hao trong năm | 1.571.261.449 |
| Thanh lý trong năm | (5.191.832.796) |
| Tại ngày 31/12/2014 | <u>2.471.708.364</u> |

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

| | |
|---------------------|-----------------------|
| Tại ngày 31/12/2014 | <u>4.352.599.903</u> |
| Tại ngày 31/12/2013 | <u>12.165.574.821</u> |

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con Cà phê Petec và Petec Land.

18. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

31/12/2014
VND 31/12/2013
VND

| | | |
|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | - | 41.081.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Đông Á | 19.885.538.000 | 50.820.509.500 |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội | - | 8.210.499.000 |
| | <u>19.885.538.000</u> | <u>100.112.008.500</u> |

Vay Ngân hàng TMCP Đông Á theo Hợp đồng tín dụng số H.0385/NT ngày 11 tháng 6 năm 2013 có hạn mức vay là 100.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và lãi suất áp dụng theo thỏa thuận tại từng thời điểm giải ngân. Khoản vay này được thực hiện bằng hình thức tín chấp.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2014 <u>VND</u> | 31/12/2013 <u>VND</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam | 1.181.038.715.718 | 1.225.641.283.044 |
| Công ty Cổ phần MCO Việt Nam | 1.972.862.258 | 2.718.699.254 |
| Công ty Cổ phần XD & PT Đô thị tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu | 4.243.455.937 | 3.906.963.872 |
| Công ty Cổ phần Song Phát | 13.499.310.400 | 13.499.310.400 |
| Công ty Cổ phần Licogi 16.5 | 203.071.237 | 4.897.625.756 |
| Nhà cung cấp khác | <u>16.303.407.558</u> | <u>21.998.983.350</u> |
| | <u>1.217.260.823.108</u> | <u>1.272.662.865.676</u> |

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2014 <u>VND</u> | 31/12/2013 <u>VND</u> |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 608.573.604 | 2.159.993.864 |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | 771.985.000 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 1.367.643.414 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 83.965.579 | 671.993.273 |
| Các loại thuế khác | <u>17.190.969.500</u> | <u>16.176.104.568</u> |
| | <u>17.883.508.683</u> | <u>21.147.720.119</u> |

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước trong năm theo từng loại thuế như sau:

| | Số phải nộp và điều chỉnh | Số đã nộp | Số cuối năm |
|--|------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|
| Số đầu năm <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa | 2.159.993.864 | 17.650.155.068 | (19.251.644.516) |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | - | 448.260.662 | (448.260.662) |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 771.985.000 | (656.299.981) | (115.685.019) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | (209.942.073) | 1.663.266.084 | (2.975.417.975) |
| Thuế thu nhập cá nhân | 671.993.273 | 722.040.764 | (1.310.105.658) |
| Các loại thuế khác | <u>15.819.965.568</u> | <u>171.669.419.983</u> | <u>(170.298.416.051)</u> |
| Tổng cộng | <u>19.213.995.632</u> | <u>191.496.842.580</u> | <u>(194.399.529.881)</u> |
| <i>Trong đó</i> | | | |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 1.933.724.487 | | 1.572.200.352 |
| Thuế và các khoản phải trả Nhà nước | 21.147.720.119 | | 17.883.508.683 |

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2014 <u>VND</u> | 31/12/2013 <u>VND</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn | 301.063.986 | 254.294.405 |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 2.367.013.022 | 2.367.013.022 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) | 6.235.585.283 | - |
| Phải trả khác | <u>777.206.370</u> | <u>4.441.321.786</u> |
| | <u>9.680.868.661</u> | <u>7.062.629.213</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**22. QUỸ BÌNH ỔN XĂNG DẦU**

Việc trích lập quỹ bình ổn được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 234/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính "Hướng dẫn cơ chế hình thành, quản lý và sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu" và các Thông báo có liên quan của Bộ Tài chính về việc điều hành giá và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu. Theo quy định về việc trích và sử dụng quỹ, trong một thời kỳ có thể vừa trích vừa sử dụng quỹ, đồng thời số tiền sử dụng quỹ/lít lớn hơn số trích/lít làm cho quỹ bình ổn bị âm (dư nợ) tại một thời điểm. Do vậy, quỹ bình ổn xăng dầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 có số dư với cùng số tiền âm là 144.949.855.230 đồng.

Ngày 31 tháng 5 năm 2013, Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần thôi làm chức năng nhiệm vụ đầu mối kinh doanh xăng dầu theo công văn số 3548/QĐ-BCT của Bộ Công Thương. Vì vậy, Công ty ngừng trích và sử dụng Quỹ bình ổn giá xăng dầu đối với mặt hàng xăng dầu mua vào khi Công ty không làm chức năng nhiệm vụ đầu mối kinh doanh xăng dầu.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn điều lệ**

| | 31/12/2014 | | 31/12/2013 | |
|---|-------------|-------------------|-------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 260.000.000 | 2.600.000.000.000 | 260.000.000 | 2.600.000.000.000 |
| Đã góp vốn | 248.877.470 | 2.488.774.701.456 | 248.877.470 | 2.488.774.701.456 |
| Chưa góp | 11.122.530 | 111.225.298.544 | 11.122.530 | 111.225.298.544 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ chưa được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Dầu Việt Nam góp đủ do chưa thực hiện quyết toán vốn liên quan đến cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thương mại và Kỹ thuật Đầu tư.

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phiếu phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phiếu phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Cổ phiếu

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|--|-------------|-------------|
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 248.877.470 | 248.877.470 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 248.877.470 | 248.877.470 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 248.877.470 | 248.877.470 |
| + Cổ phiếu phổ thông | 248.877.470 | 248.877.470 |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Danh sách cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

| | 31/12/2014 | | 31/12/2013 | |
|---|--------------------------|------------|--------------------------|------------|
| | Vốn đã góp VND | Tỷ lệ % | Vốn đã góp VND | Tỷ lệ % |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam | 2.353.025.701.456 | 94,55 | 2.353.025.701.456 | 94,55 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương | 64.792.860.000 | 2,60 | 64.792.860.000 | 2,60 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Petec | 5.490.270.000 | 0,22 | 5.490.270.000 | 0,22 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội | 3.787.680.000 | 0,15 | 3.787.680.000 | 0,15 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn | 3.388.970.000 | 0,14 | 3.388.970.000 | 0,14 |
| Nguyễn Văn Tuấn | 2.990.270.000 | 0,12 | 2.990.270.000 | 0,12 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | 2.790.920.000 | 0,11 | 2.790.920.000 | 0,11 |
| Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu | 2.491.890.000 | 0,10 | 2.491.890.000 | 0,10 |
| Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủ Đức | 1.993.510.000 | 0,08 | 1.993.510.000 | 0,08 |
| Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau | 1.993.510.000 | 0,08 | 1.993.510.000 | 0,08 |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng | 1.993.510.000 | 0,08 | 1.993.510.000 | 0,08 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và TM Hải Bình | 1.495.130.000 | 0,06 | 1.495.130.000 | 0,06 |
| Công ty Cổ phần Âu Lạc | 1.000.000.000 | 0,04 | 1.000.000.000 | 0,04 |
| Cổ đông khác | 41.540.480.000 | 1,67 | 41.540.480.000 | 1,67 |
| Tổng cộng | 2.488.774.701.456 | 100 | 2.488.774.701.456 | 100 |

12500
HI NH
ÔNG
NHIỆM
LỘI
ÉT N
TP. H

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN
 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn điều lệ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lô lũy kế VND | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND | Tổng VND |
|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|----------------------------------|----------------------------|--|--------------------------|
| Số dư tại ngày 31/12/2012 | 2.488.774.701.456 | 14.025.078.904 | 3.403.946.862 | (960.101.535.013) | 4.033.356.418 | 1.546.102.192.209 |
| Chuyển nguồn vốn giữa các quỹ | - | (4.033.356.418) | - | - | (4.033.356.418) | - |
| Kết chuyên công trình hoàn thành | - | 4.033.356.418 | - | (966.000.000) | - | (966.000.000) |
| Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị | - | - | - | (4.337.099.705) | - | (4.337.099.705) |
| Lợi nhuận chia cho các bên liên doanh | - | - | - | (474.971.229.818) | - | (474.971.229.818) |
| Lỗ trong năm | - | - | - | 13.221.880.490 | - | 13.221.880.490 |
| Điều chỉnh cho cổ đông thiểu số | - | - | - | (775.500.000) | - | (775.500.000) |
| Trích các quỹ ngoại biếu vốn | - | 1.702.792.872 | 177.430.039 | (1.880.222.911) | - | - |
| Phân phối quỹ | - | (702.402.060) | (67.583.102) | 1.072.230.567 | - | 302.245.405 |
| Phân phối quỹ cho cổ đông thiểu số | - | - | - | (3.644.815.682) | - | (3.644.815.682) |
| Điều chỉnh khác | - | - | - | - | - | - |
| Số dư tại ngày 31/12/2013 | 2.488.774.701.456 | 15.025.469.716 | 3.513.793.799 | (1.432.382.292.072) | (137.765.177.980) | 1.074.931.672.899 |
| Lỗ trong năm | - | - | - | 9.943.514.989 | - | (137.765.177.980) |
| Điều chỉnh cho cổ đông thiểu số | - | - | - | (470.160.000) | - | 9.943.514.989 |
| Trích các quỹ ngoại biếu vốn | - | - | - | (98.233.835) | - | (470.160.000) |
| Trích các quỹ | - | - | - | (11.665.352.501) | - | - |
| Điều chỉnh do sáp nhập và khác(*) | - | (1.336.643.129) | (1.806.379.336) | (14.808.374.966) | - | (14.808.374.966) |
| Điều chỉnh cho cổ đông thiểu số khác | - | - | - | 1.385.351.560 | - | 1.385.351.560 |
| Số dư tại ngày 31/12/2014 | 2.488.774.701.456 | 13.688.826.587 | 1.805.648.298 | (1.571.052.349.839) | - | 933.216.826.502 |

(*) Điều chỉnh do sáp nhập và khác liên quan đến các điều chỉnh do sáp nhập CISCO vào PV Oil Thanh Hoá và sáp nhập Petromat vào PV Oil Nam Định được trình bày tại Thuyết Minh số 14 và 15.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu. Hoạt động khác bao gồm xuất nhập khẩu thiết bị toàn bộ, máy móc và thiết bị lẻ, các loại vật tư, nguyên liệu, phân bón, phương tiện vận tải và các mặt hàng tiêu dùng khác; xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thuỷ, hải sản; cung cấp dịch vụ hàng hải (đại lý tàu biển, cung cấp nhiên liệu, thực phẩm và các dịch vụ khác); các hoạt động liên doanh, liên kết về kho cảng, ngân hàng, bảo hiểm, cây xăng, kinh doanh bất động sản, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là liên quan chủ yếu đến hoạt động kinh doanh chính.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại Miền Bắc, Miền Nam và Miền Trung. Hoạt động kinh doanh tổng hợp chủ yếu được thực hiện tại Miền Nam.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

| | 2014 <u>VND</u> | 2013 <u>VND</u> |
|------------|---------------------------------|----------------------------------|
| Miền Nam | 2.546.507.584.088 | 7.390.532.586.704 |
| Miền Trung | 1.360.087.964.986 | 782.511.069.522 |
| Miền Bắc | <u>1.623.777.069.557</u> | <u>3.076.794.586.155</u> |
| | <u>5.530.372.618.631</u> | <u>11.249.838.242.381</u> |

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó:

| | 2014 | | 2013 | |
|------------|--|---|--|---|
| | Giá trị còn lại của tài sản bộ phận <u>VND</u> | Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình <u>VND</u> | Giá trị còn lại của tài sản bộ phận <u>VND</u> | Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình <u>VND</u> |
| Miền Nam | 1.088.713.484.694 | 43.156.931.484 | 1.253.654.390.862 | 45.907.838.939 |
| Miền Trung | 68.660.897.320 | 6.407.452.808 | 183.762.736.181 | 5.255.671.980 |
| Miền Bắc | 921.281.693.869 | 55.290.933.086 | 1.109.449.636.015 | 8.338.402.568 |
| | <u>2.078.656.075.883</u> | <u>104.855.317.378</u> | <u>2.546.866.763.058</u> | <u>59.501.913.487</u> |

25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con tại ngày kết thúc niêm độ kế toán.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại các công ty con được xác định như sau:

| | 31/12/2014 <u>VND</u> | 31/12/2013 <u>VND</u> |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Vốn điều lệ của công ty con | 78.300.000.000 | 130.300.000.000 |
| Trong đó: | | |
| Vốn phân bổ cho Công ty | 40.623.660.000 | 81.603.660.000 |
| Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số | <u>37.676.340.000</u> | <u>48.696.340.000</u> |
| Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số | <u>48%</u> | <u>37%</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

| | 31/12/2014 <u>VND</u> | 31/12/2013 <u>VND</u> |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tổng tài sản | 97.358.048.932 | 324.558.896.673 |
| Tổng nợ phải trả | <u>(55.595.749.816)</u> | <u>(230.076.515.661)</u> |
| Tài sản thuần | <u>41.762.299.116</u> | <u>94.482.381.012</u> |

Chi tiết như sau:

| | | |
|--------------|-------------------------|-------------------------|
| Vốn điều lệ | 78.300.000.000 | 130.300.000.000 |
| Các quỹ khác | 15.180.012.076 | 19.860.418.451 |
| Lỗ lũy kế | <u>(51.717.712.960)</u> | <u>(55.678.037.439)</u> |

Lợi ích của cổ đông thiểu số

| | | |
|--------------------------|-------------------------|-------------------------|
| <i>Chi tiết như sau:</i> | 9.679.953.345 | 33.582.427.304 |
| Vốn điều lệ | 37.676.340.000 | 48.696.340.000 |
| Các quỹ khác | 6.419.487.191 | 8.055.104.936 |
| Lỗ lũy kế | <u>(34.415.873.846)</u> | <u>(23.169.017.632)</u> |

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con như sau:

| | 2014 <u>VND</u> | 2013 <u>VND</u> |
|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| Lỗ trong năm | (21.732.745.095) | (31.604.506.674) |
| Lỗ của cổ đông thiểu số | <u>(9.943.514.989)</u> | <u>(13.221.880.490)</u> |

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2014 <u>VND</u> | 2013 <u>VND</u> |
|--|---------------------------------|----------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa xăng dầu | 4.952.418.227.501 | 10.344.062.431.097 |
| Doanh thu bán hàng kinh doanh tổng hợp | 707.094.490.673 | 1.226.737.107.405 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | <u>37.946.606.634</u> | <u>21.425.858.185</u> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 5.697.459.324.808 | 11.592.225.396.687 |
| Thuế bảo vệ môi trường | <u>(167.086.706.177)</u> | <u>(342.387.154.306)</u> |
| | <u>5.530.372.618.631</u> | <u>11.249.838.242.381</u> |

Thuế bảo vệ môi trường được Công ty ghi nhận căn cứ theo Thông tư số 152/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2011, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế bảo vệ môi trường.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | 2014 <u>VND</u> | 2013 <u>VND</u> |
|--|---------------------------------|----------------------------------|
| Giá vốn của xăng dầu đã bán | 4.762.191.762.992 | 9.697.698.422.656 |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 690.901.212.049 | 1.241.138.904.926 |
| Hao hụt trong định mức hàng tồn kho xăng dầu (*) | 1.793.248.015 | 8.903.128.620 |
| Trích và sử dụng quỹ bình ổn xăng dầu | - | (17.854.596.820) |
| | <u>5.454.886.223.056</u> | <u>10.929.885.859.382</u> |

(*) Hao hụt trong định mức hàng tồn kho xăng dầu: Được áp dụng theo Quyết định số 758/VT-QĐ ngày 13 tháng 4 năm 1986 của Bộ Vật tư.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

| | 2014 <u>VND</u> | 2013 <u>VND</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 20.577.970.477 | 85.761.205.932 |
| Chi phí nhân công | 86.009.763.255 | 120.887.778.526 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 40.251.848.045 | 41.030.972.203 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 43.862.520.825 | 492.666.949.545 |
| Chi phí khác | 74.539.195.802 | 52.015.531.554 |
| | <u>265.241.298.404</u> | <u>792.362.437.760</u> |

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố không bao gồm: giá vốn hàng bán.

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2014 <u>VND</u> | 2013 <u>VND</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 631.162.042 | 3.801.403.919 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 10.010.014.282 | 17.669.232.100 |
| Lãi đầu tư cổ phiếu | 5.909.963.000 | 29.745.533.039 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 3.193.459.805 | 18.942.688.740 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 22.289.280 | 3.801.438 |
| | <u>19.766.888.409</u> | <u>70.162.659.236</u> |

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2014 <u>VND</u> | 2013 <u>VND</u> |
|--|-----------------------------|-------------------------------|
| Lãi tiền vay | 3.045.071.522 | 114.442.982.309 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 1.842.983.973 | 1.557.498.265 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư | 19.452.623.000 | - |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | (18.931.292.675) | - |
| Chi phí khác | 2.038.503.074 | 24.342.166.806 |
| | <u>7.447.888.894</u> | <u>140.342.647.380</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

31. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

| | 2014 <u>VND</u> | 2013 <u>VND</u> |
|--|--------------------------------|---------------------------------|
| Thu từ thanh lý tài sản cố định | 15.554.722.940 | 72.402.488.759 |
| Thu từ thanh lý công cụ, dụng cụ | 144.497.799 | 345.125.454 |
| Thu lãi trả chậm, lãi tiền phạt và thu tiền điện | 2.924.252.450 | 866.597.345 |
| Thu được bồi thường | 1.937.941.528 | 1.187.636.740 |
| Thu từ thanh lý công ty con | 20.769.107.247 | - |
| Các khoản khác | <u>527.768.850</u> | <u>4.071.007.432</u> |
| Thu nhập khác | <u>41.858.290.814</u> | <u>78.872.855.730</u> |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý | (12.281.775.632) | (52.733.683.459) |
| Thanh lý công cụ, dụng cụ | - | (1.172.855.315) |
| Thanh lý công ty con | (9.100.051.256) | - |
| Truy thu thuế nhập khẩu của hàng tạm nhập tái xuất | - | (61.548.312.234) |
| Các khoản khác | <u>(1.152.802.135)</u> | <u>(4.063.666.448)</u> |
| Chi phí khác | <u>(22.534.629.023)</u> | <u>(119.518.517.456)</u> |
| Lợi nhuận/(lỗ) khác | <u>19.323.661.791</u> | <u>(40.645.661.726)</u> |

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 2014 <u>VND</u> | 2013 <u>VND</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Lỗ trước thuế | (135.797.513.682) | (469.127.075.453) |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Trừ: thu nhập không chịu thuế | 14.692.254.612 | 22.340.456.488 |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | <u>1.109.398.950</u> | <u>943.878.828</u> |
| | <u>(149.380.369.344)</u> | <u>(490.523.653.113)</u> |
| Lỗ năm trước được chuyển sang | <u>(843.584.628)</u> | <u>-</u> |
| Thu nhập chịu thuế | <u>(148.536.784.716)</u> | <u>(490.523.653.113)</u> |
| Trong đó: | | |
| Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản | 2.982.890.656 | 26.104.754.579 |
| Lỗ tính thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh chính | (156.383.675.369) | (516.628.407.692) |
| Thuế suất | 22% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty con | 1.311.428.354 | 1.020.758.592 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản | 656.235.944 | 6.526.188.645 |
| Giảm trừ thuế | - | (1.702.792.872) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>1.967.664.298</u> | <u>5.844.154.365</u> |

Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chủ yếu bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty mẹ và thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty con Cisco (đã thanh lý trong năm) do có phát sinh thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 1.974.720.146.278 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.811.308.828.418 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

| Năm | Các khoản lỗ tính thuế <u>VND</u> |
|------|---|
| 2016 | 375.284.173.111 |
| 2017 | 895.738.698.352 |
| 2018 | 517.443.248.942 |
| 2019 | 186.254.025.873 |
| | <u>1.974.720.146.278</u> |

33. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | 2014 <u>VND</u> | 2013 <u>VND</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>(127.821.662.991)</u> | <u>(461.749.349.328)</u> |
| Số cổ phiếu | | |
| Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông | 248.877.470 | 248.877.470 |
| Lỗ cơ bản trên cổ phiếu | <u>(514)</u> | <u>(1.855)</u> |

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Trong năm, Công ty có ký các hợp đồng thuê các kho bãi với Tổng Công ty Dầu Việt Nam và Công ty TNHH MTV Xăng dầu An pha Vĩnh Long để bảo quản xăng dầu cũng như dự trữ hàng để bán. Phí thuê kho hàng tháng được tính căn cứ vào số lượng xăng dầu nhập, xuất và tồn nhân với đơn giá 12 đồng/lít 15 độ C cho phí bơm rót; 40 đồng/lít 15 độ C cho tiếp nhận hàng và 51 đồng/lít 15 độ C (bình quân tháng) cho phí bảo quản.

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc các cổ đông (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 28.257.314.534 | 142.062.508.533 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 1.134.935.561.811 | 560.532.215.944 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 41.965.798.310 | 97.530.251.336 |
| Ký quỹ | 39.500.000 | 37.953.000 |
| Tổng | 1.205.198.174.655 | 800.162.928.813 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 19.885.538.000 | 101.224.008.500 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 1.226.280.085.013 | 1.278.237.721.239 |
| Chi phí phải trả | - | 126.333.388 |
| Tổng | 1.246.165.623.013 | 1.379.588.063.127 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá cả. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

| | Tài sản | | Nợ phải trả | |
|-------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
| Đô la Mỹ ("USD") | 7.563.427.179 | 17.601.154.966 | 19.885.538.000 | 54.202.817.319 |
| Euro ("EUR") | 9.132.286 | 18.114.361 | - | - |
| Đô la Singapore ("SGD") | 6.727.578 | 11.775.977 | - | - |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tỷ lệ được áp dụng để tính độ biến động rủi ro tỷ giá được Ban Tổng Giám đốc xác định là 2%. Khi đó, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục tài sản và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Nếu đô la Mỹ tăng/giảm 2% so với đồng Việt Nam thì lỗ trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng/giảm một khoản tiền là 246.442.216 đồng (năm 2013: 723.033.247 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho Euro và đô la Singapore, thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lỗ trước thuế của Công ty.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng/giảm một khoản tiền là 397.710.760 đồng (năm 2013: 2.024.480.170 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có khoản nợ tín dụng khá lớn từ các khách hàng kinh doanh xăng dầu như trình bày tại Thuyết minh số 6.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chia chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chia chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

| | Dưới 1 năm <u>VND</u> | Từ 1- 5 năm <u>VND</u> | Tổng <u>VND</u> |
|--------------------------------------|---------------------------------|------------------------------|---------------------------------|
| 31/12/2014 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 28.257.314.534 | - | 28.257.314.534 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 1.134.935.561.811 | - | 1.134.935.561.811 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | 41.965.798.310 | 41.965.798.310 |
| Ký quỹ | 39.500.000 | - | 39.500.000 |
| | <u>1.163.232.376.345</u> | <u>41.965.798.310</u> | <u>1.205.198.174.655</u> |
| Các khoản vay | 19.885.538.000 | - | 19.885.538.000 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 1.226.280.085.013 | - | 1.226.280.085.013 |
| | <u>1.246.165.623.013</u> | <u>-</u> | <u>1.246.165.623.013</u> |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | <u>(82.933.246.668)</u> | <u>41.965.798.310</u> | <u>(40.967.448.358)</u> |
| 31/12/2013 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 142.062.508.533 | - | 142.062.508.533 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 558.909.727.821 | 1.622.488.123 | 560.532.215.944 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | 97.530.251.336 | 97.530.251.336 |
| Ký quỹ | 37.953.000 | - | 37.953.000 |
| | <u>701.010.189.354</u> | <u>99.152.739.459</u> | <u>800.162.928.813</u> |
| Các khoản vay | 100.112.008.500 | 1.112.000.000 | 101.224.008.500 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 1.278.237.721.239 | - | 1.278.237.721.239 |
| Chi phí phải trả | 126.333.388 | - | 126.333.388 |
| | <u>1.378.476.063.127</u> | <u>1.112.000.000</u> | <u>1.379.588.063.127</u> |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | <u>(677.465.873.773)</u> | <u>98.040.739.459</u> | <u>(579.425.134.314)</u> |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình do một phần lớn khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh số 36. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ ĐU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)
Công ty Cổ phần Petec Bình Định
Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận
Công ty Cổ phần Kho vận Petec
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn
Tổng Công ty Năng lượng Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (PVD_Offshore)

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty liên kết
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

| | 2014 <u>VND</u> | 2013 <u>VND</u> |
|--|-----------------------|------------------------|
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | | |
| Công ty Cổ phần Petec Bình Định | 70.726.000.208 | 192.917.745.121 |
| Công ty Cổ phần Thương nghiệp Bạc Liêu | - | 141.974.862.885 |
| Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Bình Thuận | 397.848.523 | 109.986.985.618 |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa | 16.759.006.644 | - |
| Công ty Cổ phần Kho vận Petec | <u>75.088.539.086</u> | <u>529.717.960.553</u> |

Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty trong cùng

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

| | | |
|--|--------------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủ Đức | - | 199.926.510.209 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) | 21.804.038.137 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu | 128.405.552 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Hải Phòng | 415.681.648 | - |
| Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ | <u>122.359.584</u> | <u>-</u> |

Mua hàng

Mua hàng hóa từ các Công ty trong cùng Tập đoàn

Dầu khí Việt Nam

| | | |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) | - | 4.816.004.397.917 |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) | <u>4.481.603.563.039</u> | <u>2.522.514.967.591</u> |

Công ty sử dụng dịch vụ của các Công ty trong cùng tập đoàn

| | | |
|---|--------------------|----------------------|
| Tổng Công ty Năng lượng Dầu khí Việt Nam | - | 882.688.463 |
| Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí | 402.492.304 | - |
| Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (PVD Offshore) | 2.977.000.063 | - |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) | 976.138.606 | 7.220.535.803 |
| Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu Khí Việt Nam | <u>627.130.876</u> | <u>2.075.353.928</u> |

Công ty sử dụng dịch vụ từ các Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Petec Bình Định

002-C
341.803
TRÁCH
M.S.C.N.U.01
QUẢN

Lãi trả chậm

Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)

6.235.585.283

115.880.314

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

| | 2014 <u>VND</u> | 2013 <u>VND</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác | <u>2.919.550.000</u> | <u>4.972.729.000</u> |

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT VÀ ĐẦU TƯ - CÔNG TY CỔ PHẦN

194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

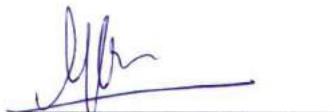
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**Số dư với các bên liên quan:**

| | 31/12/2014 | 31/12/2013 |
|---|------------------------|------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Các khoản phải thu | | |
| Công ty liên kết | | |
| Công ty Cổ phần Petec Bình Định | 1.151.250.761 | 855.132.036 |
| Công ty Cổ phần Kho vận Petec | <u>10.501.445.023</u> | <u>15.655.037.821</u> |
| Công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | | |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil) | <u>823.317.164</u> | - |
| Phải thu khác | | |
| Công ty trong cùng Tập đoàn | | |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | <u>172.650.526.381</u> | <u>172.650.526.381</u> |
| Công ty liên kết | | |
| Công ty Cổ phần Kho vận Petec | <u>3.030.000.000</u> | <u>3.030.000.000</u> |
| Phải trả khác | | |
| Công ty trong cùng Tập đoàn | | |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil) | <u>6.235.585.283</u> | - |

37. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 16 tháng 3 năm 2015.



Mai Ngọc Rin
Người lập biếu



Nguyễn Ngọc Nam
Kế toán trưởng

